TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AA** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **192/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 04/4/2022
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AA TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Trúc Mai**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Thanh Hiền**

2. Ông **Nguyễn Bền**

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang*** *tham gia phiên tòa*: Bà **Lê Hoàng Lan Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 325/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Phạm Thị Kim A**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: số 16/6, ấp AB, xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện tại: ấp 5, xã AD, huyện AE, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: **Huỳnh Tấn B**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: số 16/6, ấp AB, xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

(chị A có mặt; anh B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 20/10/2021, và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị Kim A trình bày*:

Chị và anh Huỳnh Tấn B chung sống với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không hạp nhau, thường xuyên cãi vả. Từ năm 2017, hai vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau nữa.

Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Tấn B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Huỳnh Tấn X**, sinh ngày 10/3/2012 và **Huỳnh Tấn Y**, sinh ngày 14/8/2017. Hiện Tấn X đang sống cùng anh Tấn B bên gia đình nội ở AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang; còn Tấn Y đang sống cùng chị bên gia đình ngoại. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Tấn Y, còn con chung Tấn X thì chị đồng ý để cho anh Tấn B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Chị và anh Tấn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung còn lại.

- Về Y sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Tấn B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.*

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị A thay đổi yêu cầu khởi kiện liên quan đến con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh Tấn B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Tấn B vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ mà pháp luật tố tụng dân sự quy định cho bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các Y liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh Tấn B.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị A, xét hoàn toàn là sự tự nguyện của chị và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp "*Ly hôn*".

[3] Về hôn nhân:

Chị Phạm Thị Kim A và anh Huỳnh Tấn B xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39/2013, quyển sổ 01/2013 vào ngày 02/5/2013.

Tại phiên tòa, chị A trình bày nguyên nhân chính dẫn đến việc chị yêu cầu ly hôn với anh Tấn B là vì trong khoảng thời gian chị sinh con út, anh Tấn B lại có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên vắng nhà. Chị hoàn toàn không biết mặt người phụ nữ đó, nhưng vì nghe quá nhiều lời bàn tán từ những người hàng xóm, người quen, chị có hỏi anh Tấn B thì anh Tấn B thừa nhận và yêu cầu chị làm đơn ly hôn với anh. Chị nhận thấy, chị đã làm tốt vai trò người vợ, người mẹ, người con dâu trong gia đình, nhưng chị vẫn không biết vì sao anh Tấn B cư xử với chị như vậy. Không thể khuyên chồng, chị buồn nên chị cùng các con về lại quê nhà ở Long An sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Chị trình bày từ đó đến nay vợ chồng không liên lạc với nhau, mặc dù thỉnh thoảng chị có ghé thăm nhà chồng. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Tấn B.

Đối với anh Tấn B, mặc dù anh đã *được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh* không có bất kỳ văn bản nào trình bày ý kiến của

anh đối với các yêu cầu khởi kiện của chị A. Từ đó cho thấy, anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không muốn tiếp tục mối quan hệ hôn nhân với chị A.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu của chị A xin được ly hôn anh Tấn B là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên **Huỳnh Tấn X**, sinh ngày 10/3/2012 và **Huỳnh Tấn Y**, sinh ngày 14/8/2017. Hiện Tấn X đang sống cùng anh Tấn B bên gia đình nội ở AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang; còn Tấn Y đang sống cùng chị bên gia đình ngoại. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh Tấn B cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Xét thấy, chị A có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, còn anh Tấn B hiện tại không rõ làm nghề gì và thu nhập ra sao (bút lục 34 – 36, 27), hơn nữa con chung Tấn X cũng có nguyện vọng được sống với mẹ ((bút lục 19). Từ đó, Hội đồng xét xử quyết định giao hai con chung cho chị A theo như yêu cầu của chị, anh Tấn B tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh Tấn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở, theo quy định tại Khoản 1 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về Y sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Kim A.

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim A được ly hôn với anh Huỳnh Tấn B.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên **Huỳnh Tấn X**, sinh ngày 10/3/2012 và **Huỳnh Tấn Y**, sinh ngày 14/8/2017 cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Anh Tấn B tạm thời chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung.

Sau khi ly hôn, anh Tấn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

- Về Y sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003506 ngày 20/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3/ Quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Tấn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện AA;
- Chi cục THADS huyện AA;
- UBND xã AC, H. AA;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH THỊ TRÚC MAI